

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002004 ngày 24 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 01 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 (mười), ngày 18 tháng 08 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Mỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Chính Diệp	Ủy viên
Ông Lê Hữu Hòe	Ủy viên
Bà Phạm Thị Kim Xuân	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Hoan	Trưởng ban
Ông Trần Thái Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Mỹ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hòe	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chính Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Từ	Phó Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán More Stephens International Limited tại Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2011

Số: 121 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
Về Báo cáo tài chính 2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra báo cáo kiểm toán vào ngày 3 tháng 3 năm 2010 có ý kiến dạng chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập được kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2011

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.786.454.408.802	1.268.082.139.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	263.200.126.220	89.562.117.620
1. Tiền	111		116.192.053.531	56.358.083.484
2. Các khoản tương đương tiền	112		147.008.072.689	33.204.034.136
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		293.206.233.673	191.456.722.907
1. Phải thu khách hàng	131		188.017.074.408	118.874.008.119
2. Trả trước cho người bán	132		55.474.387.180	66.013.183.238
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	49.714.772.085	6.569.531.550
IV. Hàng tồn kho	140		1.182.427.268.642	954.224.162.495
1. Hàng tồn kho	141	5.3	1.182.427.268.642	954.224.162.495
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.620.780.267	32.839.136.014
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.145.878.304	1.656.668.382
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	46.474.901.963	31.182.467.632
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.835.207.236	142.126.057.367
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		56.769.677.394	45.774.155.566
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	56.105.114.898	45.043.136.818
<i>Nguyên giá</i>	222		72.468.395.064	58.112.163.220
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.363.280.166)	(13.069.026.402)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	664.562.496	731.018.748
<i>Nguyên giá</i>	228		863.931.250	863.931.250
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(199.368.754)	(132.912.502)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		76.036.944.820	93.108.640.964
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	1.045.799.410	892.470.854
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	44.655.300.000	44.655.300.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	39.310.537.098	52.948.822.418
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.974.691.688)	(5.387.952.308)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.028.585.022	3.243.260.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	5.001.526.539	3.141.202.354
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	27.058.483	102.058.483
TỔNG TÀI SẢN	270		1.924.289.616.038	1.410.208.196.403

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.614.938.949.584	1.162.681.382.784
I. Nợ ngắn hạn	310		1.219.009.696.381	1.054.928.084.555
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	444.518.593.747	400.681.787.933
2. Phải trả người bán	312		198.767.528.137	93.197.590.964
3. Người mua trả tiền trước	313		486.303.236.788	453.134.929.606
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	9.345.431.236	29.834.710.898
5. Phải trả người lao động	315		7.518.766.825	4.173.497.771
6. Chi phí phải trả	316		10.233.775.397	340.750.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	55.686.131.127	67.133.867.310
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.636.233.124	6.430.950.073
II. Nợ dài hạn	330		395.929.253.203	107.753.298.229
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	251.083.067.810	52.486.924.972
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	143.882.193.975	54.537.623.832
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		963.991.418	728.749.425
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.350.666.454	247.526.813.619
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	309.350.666.454	247.526.813.619
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.520.000.000	103.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		80.526.499.612	47.939.499.612
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.710.000)	(70.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.858.099	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		44.310.126.315	31.889.021.406
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.650.529.641	6.813.801.590
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.389.362.787	36.734.561.011
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.924.289.616.038	1.410.208.196.403



Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2011

Phan Chí Hiếu
Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.236.550.295.680	1.142.347.517.440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10	5.18	1.236.550.295.680	1.142.347.517.440
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	1.147.367.473.633	1.080.603.708.593
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV	20		89.182.822.047	61.743.808.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	14.588.432.383	4.257.790.478
7. Chi phí tài chính	22	5.21	42.934.101.823	10.472.030.407
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.980.761.681	6.135.936.000
8. Chi phí bán hàng	24		317.214.073	2.161.403.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.576.465.946	4.616.765.130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.943.472.588	48.751.399.989
11. Thu nhập khác	31	5.22	971.747.295	811.579.474
12. Chi phí khác	32	5.23	1.828.873.411	592.071.915
13. Lợi nhuận khác	40		(857.126.116)	219.507.559
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.086.346.472	48.970.907.548
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.24	13.696.983.685	12.236.346.537
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.389.362.787	36.734.561.011
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	3.844	3.560



Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2011

Phan Chí Hiếu
Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.086.346.472	48.970.907.548
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.789.853.815	4.068.289.626
Các khoản dự phòng	03	5.098.455.582	(1.455.969.675)
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	116.869.889
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.246.851.905)	(1.410.390.786)
Chi phí lãi vay	06	35.980.761.681	6.135.936.000
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	08	86.708.565.645	56.425.642.602
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(75.437.569.418)	4.715.837.669
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(196.509.196.289)	(117.302.427.761)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	291.260.815.593	(74.496.054.099)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(1.349.534.107)	400.255.966
Tiền lãi vay đã trả	13	(72.384.481.653)	(42.249.005.300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.054.087.983)	(1.132.247.169)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.452.738.251	2.056.182.121
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.419.107.231)	(1.684.061.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.268.142.808	(173.265.877.354)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.123.233.534)	(722.412.561)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	337.857.891	512.830.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.316.413.756)	(51.925.989.044)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.003.922.800	22.386.331.036
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.532.583.423	3.699.314.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.434.716.824	(26.049.925.925)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	42.907.000.000	44.039.499.612
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(1.640.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	939.572.802.416	1.000.862.750.486
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(806.391.426.459)	(799.589.347.589)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.157.445.088)	(20.639.986.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	154.929.290.869	224.672.916.509
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	173.632.150.501	25.357.113.230
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	89.562.117.620	64.204.825.501
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.858.099	178.889
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	263.200.126.220	89.562.117.620



Trần Quang Mỹ

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2011

Phan Chí Hiếu

Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân

Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002004 ngày 24 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 01 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 (mười), ngày 18 tháng 08 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5
Tên giao dịch quốc tế:	Construction Joint Stock Company No.5
Tên viết tắt:	CJSC5

Trụ sở của Công ty đặt tại 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh..

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng và lắp đặt các công trình điện, nước. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV. Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị cơ điện lạnh. Lắp đặt và tháo dỡ các loại cầu trục và thiết bị nâng hạ. Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng (không sản xuất trong khu dân cư tập trung). Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Cho thuê mặt bằng; máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Thi công khoan cọc nhồi; đóng, ép cọc bê-tông cốt thép (không hoạt động tại trụ sở). Đo đạc bản đồ. Xây dựng: cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, thủy lợi. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Dịch vụ giữ xe. Cho thuê nhà, văn phòng. Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản.
- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn môi trường. Sản xuất, gia công, mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Lắp đặt công trình xử lý nước thải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình cấp thoát nước và trạm cấp nước. Mua bán vật tư ngành nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật Ký Chung.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các đơn vị phụ thuộc áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với các công trình xây dựng

Các công trình xây dựng là các chung cư do Công ty đầu tư xây dựng để bán hoặc các công trình do Công ty đầu tư xây dựng cùng với các đối tác khác để bán được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc các công trình xây dựng bao gồm các chi phí để có được quyền sử dụng đất, chi phí trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí thiết kế, giám sát và các chi phí cần thiết khác để có được công trình sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Khi doanh thu của các công trình xây dựng được tạm ghi nhận từng phần trong năm, giá vốn của các công trình được ước tính theo tỷ suất lợi nhuận của từng dự án do Công ty xác định trong từng năm. Do thời gian đầu tư của từng công trình kéo dài, chi phí thực tế thường có xu hướng tăng cao hơn so với chi phí dự toán ban đầu nên việc ghi nhận giá vốn tương ứng với doanh thu đã được ghi nhận trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng số chi phí thực tế cần đầu tư để có được số doanh thu đã ghi nhận. Tổng số giá vốn của công trình xây dựng sẽ được xác định chính thức khi công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng và đã có quyết toán chi phí đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng quản trị (hoặc đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25 %. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	5.257.546.300	9.515.354.600
Tiền gửi Ngân hàng	110.934.507.231	46.842.728.884
Các khoản tương đương tiền	147.008.072.689	33.204.034.136
Tổng	263.200.126.220	89.562.117.620

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu khác	49.714.772.085	6.569.531.550
Tổng	49.714.772.085	6.569.531.550

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.938.661.135	416.707.271
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.164.447.039.432	953.763.979.264
Hàng hoá	41.568.075	43.475.960
Tổng	1.182.427.268.642	954.224.162.495

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	41.878.545.072	30.176.263.715
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.596.356.891	1.006.203.917
Tổng	46.474.901.963	31.182.467.632

Tạm ứng trình bày các khoản tiền ứng cho các đội thi công để thực hiện dài hạn các công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	42.990.949.985	8.430.236.758	5.316.368.955	1.374.607.522	58.112.163.220
Tăng trong năm	14.175.799.443	793.400.000	-	154.034.091	15.123.233.534
Mua trong năm	-	793.400.000	-	154.034.091	947.434.091
Tăng khác	14.175.799.443	-	-	-	14.175.799.443
Giảm trong năm	-	333.975.500	413.826.190	19.200.000	767.001.690
Thanh lý	-	333.975.500	413.826.190	19.200.000	767.001.690
Tại ngày 31/12	57.166.749.428	8.889.661.258	4.902.542.765	1.509.441.613	72.468.395.064
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	2.912.772.828	6.260.792.805	2.932.930.736	962.530.033	13.069.026.402
Tăng trong năm	1.859.754.506	978.884.522	741.154.842	143.603.693	3.723.397.563
Do trích khấu hao	1.859.754.506	978.884.522	741.154.842	143.603.693	3.723.397.563
Giảm trong năm	-	237.150.336	186.553.463	5.440.000	429.143.799
Thanh lý	-	237.150.336	186.553.463	5.440.000	429.143.799
Tại ngày 31/12	4.772.527.334	7.002.526.991	3.487.532.115	1.100.693.726	16.363.280.166
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	40.078.177.157	2.169.443.953	2.383.438.219	412.077.489	45.043.136.818
Tại ngày 31/12	52.394.222.094	1.887.134.267	1.415.010.650	408.747.887	56.105.114.898

5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Quyền sử dụng đất
<u>Nguyên giá</u>	
Tại ngày 01/01	863.931.250
Tại ngày 31/12	863.931.250
<u>Hao mòn lũy kế</u>	
Tại ngày 01/01	132.912.502
Tăng trong năm	66.456.252
Do trích khấu hao	66.456.252
Tại ngày 31/12	199.368.754
<u>Giá trị còn lại</u>	
Tại ngày 01/01	731.018.748
Tại ngày 31/12	664.562.496

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ Phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước	1.045.799.410	892.470.854
	1.045.799.410	892.470.854

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ	Vốn góp theo Giấy phép VND	Vốn góp đến 31/12/2010 VND
Công ty Cổ Phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước	18.000.000.000	30%	5.400.000.000	1.045.799.410
	18.000.000.000		5.400.000.000	1.045.799.410

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước là: 18 tỷ đồng; Trong đó: tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 chiếm 30% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 đã góp 1.045.799.410 đồng, đạt tỷ lệ 19,37% so với vốn góp.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 nắm giữ ít hơn 50% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Mỹ Phước, nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ Phần XD & KDVT (An Phúc)	44.655.300.000	44.655.300.000
	44.655.300.000	44.655.300.000

Thông tin bổ sung đối với các khoản vốn góp liên doanh, liên kết

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 75/2009/HĐHT ký ngày 10/11/2009 giữa Công ty Cổ Phần XD & KD Vật tư và Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5; Dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phúc với diện tích khu đất là 17.250 m² tại Phường 16 - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư dài hạn (Góp vốn):	13.269.461.000	13.269.461.000
- Dự án BOT cầu Đồng Nai (*)	2.400.000.000	2.400.000.000
- Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDICO - Long Sơn	4.800.000.000	4.800.000.000
- Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	6.069.461.000	6.069.461.000
Đầu tư cổ phiếu niêm yết:	16.301.231.988	29.939.517.308
- Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	13.109.107.429	16.661.181.400
- Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	169.156.859	310.120.908
- Công ty CP Chứng khoán phố Wall (WSS)	-	9.200.000.000
- Công ty CP PT Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex - IJC)	2.262.526.500	3.768.215.000
- Quỹ Đầu Tư DN Hàng Đầu Việt nam (VF4)	736.971.000	-
- Công ty Cổ phần Mirae (KMR)	23.470.200	-
Đầu tư cổ phiếu OTC:	9.739.844.110	9.739.844.110
- Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	1.351.150.000	1.351.150.000
- Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	1.081.650.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam - Tín Nghĩa	729.500.000	729.500.000
- Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	5.137.544.110	5.137.544.110
- Công ty CP XD CT GT 677	1.440.000.000	1.440.000.000
	39.310.537.098	52.948.822.418

(*) Theo Giấy đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Cầu Đồng Nai là: 450 tỷ đồng; Trong đó: tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 chiếm 3% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 đã góp 2.400.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 17,78% so với vốn góp.

Chi tiết đầu tư dài hạn khác

	Số cổ phiếu	Số tiền tại 31/12/2010 VND
Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDICO - Long Sơn	400.000	4.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	316.550	6.069.461.000
		10.869.461.000

Chi tiết đầu tư cổ phiếu niêm yết

	Số cổ phiếu	Số tiền tại 31/12/2010 VND
Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	187.863	13.109.107.429
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	4.920	169.156.859
Công ty CP PT Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex - IJC)	41.763	2.262.526.500
Quỹ Đầu Tư DN Hàng Đầu Việt nam (VF4)	90.000	736.971.000
Công ty Cổ phần Mirae (KMR)	2.000	23.470.200
		16.301.231.988

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Chi tiết đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết

	Số cổ phiếu	Số tiền tại 31/12/2010 VND
Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	16.800	1.351.150.000
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	20.000	1.081.650.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam - Tín Nghĩa	14.100	729.500.000
Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	95.910	5.137.544.110
Công ty CP XD CT GT 677	144.000	1.440.000.000
		9.739.844.110

5.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí coffa xây dựng và chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ hơn 12 tháng.

5.11 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	27.058.483	102.058.483
	27.058.483	102.058.483

5.12 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	444.518.593.747	400.681.787.933
- Ngân hàng Công thương VN - CN3	287.505.597.019	160.611.518.575
- Ngân hàng Nông nghiệp & PT Nông thôn - CN3	69.279.718.674	53.800.269.358
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	1.450.000.000
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	37.018.278.054	-
- Vay cá nhân	50.715.000.000	184.820.000.000
Tổng	444.518.593.747	400.681.787.933

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.305.575.981	17.704.237.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.929.474.461	12.115.968.501
Thuế thu nhập cá nhân	78.393.594	2.118.589
Các loại thuế khác	31.987.200	12.385.988
Tổng	9.345.431.236	29.834.710.898

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	2.939.883.804	3.369.577.520
Bảo hiểm xã hội	(55.903.692)	134.857.290
Cổ tức phải trả	21.000	517.466.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	52.802.130.015	63.111.966.412
Tổng	55.686.131.127	67.133.867.310

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác trình bày số dư bên có của tài khoản tạm ứng cho nhân viên thực hiện các công trình.

5.15 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
	223.247.882.992	24.831.969.148
- Chung cư Mỹ Phước - Phường 2 - Quận Bình Thạnh	235.148.637	23.813.178
- Chung cư An Lộc - Phường 17 - Quận Gò Vấp	219.835.000	100.480.000
- Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh	40.144.235.814	22.637.515.970
- Chung cư Mỹ Đức - P.21 - Q. Bình Thạnh (Phần KD)	103.043.868.541	-
- Chung cư Miếu Nổi - Lô S	93.320.000	93.320.000
- Chung cư Mỹ An - P. Hiệp Bình Chánh - Quận Thủ Đức	78.809.975.000	-
- Chung cư An Lạc - Quận Bình Tân	-	591.840.000
- Khu quy hoạch - Phường Hiệp Bình Chánh Quận Thủ Đức (Sông Đà)	700.000.000	500.000.000
- Khu quy hoạch - Phường Phước Long - Quận 9	1.500.000	885.000.000
Phải trả dài hạn khác	27.835.184.818	27.654.955.824
- Huy động vốn xây Cao ốc văn phòng Công ty	25.425.000.000	25.425.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.410.184.818	2.229.955.824
Tổng	251.083.067.810	52.486.924.972

5.16 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	143.882.193.975	54.537.623.832
- Ngân hàng Công thương VN - CN3 (*)	143.882.193.975	54.537.623.832
Nợ dài hạn	-	-
Tổng	143.882.193.975	54.537.623.832

(*) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 09451214/HĐTD ngày 10/06/2009;

- Hạn mức tín dụng: 280.000.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh theo hợp đồng thế chấp số 09451214/HĐTC ngày 10/06/2009.
- Lãi suất vay: 10.5%/năm.
- Thời gian ân hạn: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian trả nợ: 36 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu B 09 - DN

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (*)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>								
Tại ngày 01/01/2009	103.200.000.000	20.950.000.000	3.900.000.000	(70.000)	24.422.693.937	5.068.492.191	31.596.946.267	189.138.062.395
Tăng trong năm	-	-	44.039.499.612	-	7.466.327.469	1.745.309.399	36.734.561.011	89.985.697.491
Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	7.466.327.469	1.745.309.399	-	9.211.636.868
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	36.734.561.011	36.734.561.011
Tăng khác	-	-	44.039.499.612	-	-	-	-	44.039.499.612
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	31.596.946.267	31.596.946.267
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	10.956.946.267	10.956.946.267
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	20.640.000.000	20.640.000.000
Tại ngày 31/12/2009	103.200.000.000	20.950.000.000	47.939.499.612	(70.000)	31.889.021.406	6.813.801.590	36.734.561.011	247.526.813.619
Tại ngày 01/01/2010	103.200.000.000	20.950.000.000	47.939.499.612	(70.000)	31.889.021.406	6.813.801.590	36.734.561.011	247.526.813.619
Tăng trong năm	10.320.000.000	-	32.587.000.000	-	12.421.104.909	1.836.728.051	41.389.362.787	98.560.053.846
Tăng vốn	10.320.000.000	-	-	-	-	-	-	10.320.000.000
Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	12.421.104.909	1.836.728.051	-	14.257.832.960
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	41.389.362.787	41.389.362.787
Tăng khác	-	-	32.587.000.000	-	-	-	-	32.592.858.099
Giảm trong năm	-	-	-	1.640.000	-	-	36.734.561.011	36.736.201.011
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	16.094.561.011	16.094.561.011
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	20.640.000.000	20.640.000.000
Các khoản khác	-	-	-	1.640.000	-	-	-	1.640.000
Tại ngày 31/12/2010	113.520.000.000	20.950.000.000	80.526.499.612	(1.710.000)	44.310.126.315	8.650.529.641	41.389.362.787	309.350.666.454

(*) Công ty đã hạch toán phần tiền nhận vốn góp liên doanh của một công ty khác để cùng thực hiện dự án xây dựng và không thành lập pháp nhân mới vào mục Vốn khác của chủ sở hữu theo công văn số 12563/BTC-CDKT của Bộ Tài chính ngày 18/09/2007 trả lời công văn số 1602/SGDCKHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn về cách hạch toán nhận vốn góp liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	15.940.320.000	14.491.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	97.579.680.000	88.708.800.000
Tổng	113.520.000.000	103.200.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	103.200.000.000	103.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	10.320.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	113.520.000.000	103.200.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	11.352.000	10.320.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	11.352.000	10.320.000
- Cổ phiếu thường	11.352.000	10.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	171	7
- Cổ phiếu thường	171	7
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.351.829	10.319.993
- Cổ phiếu thường	11.351.829	10.319.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn khác của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH Đầu tư SATO (*)	39.889.499.612	12.689.499.612
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Mỹ Phước (**)	15.137.000.000	12.250.000.000
Công ty CP Đệ Tam (**)	25.500.000.000	23.000.000.000
Tổng	80.526.499.612	47.939.499.612

(*) Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư Sato ngày 17 tháng 3 năm 2008 dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án Chính trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh; Tỷ lệ góp vốn Công ty 50% và Công ty TNHH Đầu tư Sato 50%; Việc hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân, phân chia lợi nhuận.

(**) Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phước, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án này Công ty tham gia góp vốn 50% dự án với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư. Sau đó Công ty đồng ý để Công ty Cổ phần Đệ Tam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Mỹ Phước cùng tham gia góp vốn trong phần vốn góp của Công ty với tỷ lệ vốn góp tương ứng lần lượt 49% và 27%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.18 DOANH THU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	102.365.017.167	128.992.293.280
- Doanh thu kinh doanh nhà	101.955.735.349	124.045.501.646
- Doanh thu bán vật tư	409.281.818	4.946.791.634
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.301.288.396	17.714.658.427
- Doanh thu cho thuê thiết bị	3.829.159.415	3.608.758.852
- Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý chung cư	4.627.915.704	3.675.339.528
- Doanh thu cho thuê văn phòng + mặt bằng	10.844.213.277	10.430.560.047
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.114.883.990.117	995.640.565.733
Tổng	1.236.550.295.680	1.142.347.517.440

5.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	78.803.808.732	122.029.074.079
- Giá vốn kinh doanh nhà	78.370.916.982	117.175.281.272
- Giá vốn kinh doanh vật tư	432.891.750	4.853.792.807
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.037.074.374	10.143.534.076
- Giá vốn cho thuê thiết bị	3.355.829.471	3.345.795.781
- Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý chung cư	4.956.603.543	5.018.749.712
- Giá vốn cho thuê văn phòng + mặt bằng	3.724.641.360	1.778.988.583
Giá vốn xây lắp	1.056.526.590.527	948.431.100.438
Tổng	1.147.367.473.633	1.080.603.708.593

5.20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.319.344.875	1.598.003.057
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	65.493.050
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	33.937.344
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư ngắn hạn, d	7.733.500.000	496.067.798
Cổ tức, lợi nhuận được chia	672.489.333	1.769.731.000
Doanh thu tài chính khác	1.863.098.175	294.558.229
Tổng	14.588.432.383	4.257.790.478

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	35.980.761.681	6.135.936.000
Lỗ do chuyển nhượng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.311.947.940	2.784.991.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	532.873.849	3.106.172.889
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	116.869.889
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.676.505.704)
Chi phí tài chính khác	5.108.518.353	4.565.677
Tổng	42.934.101.823	10.472.030.407

5.22 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác	971.747.295	811.579.474
Tổng	971.747.295	811.579.474

5.23 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí khác	1.828.873.411	592.071.915
Tổng	1.828.873.411	592.071.915

5.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP NĂM HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.086.346.472	48.970.907.548
Các khoản điều chỉnh tăng	374.077.602	1.525.500.000
Các khoản điều chỉnh giảm	672.489.333	1.769.731.000
Lợi nhuận tính thuế	54.787.934.741	48.726.676.548
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	13.696.983.685	12.181.669.137
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN bị truy thu	-	54.677.400
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	13.696.983.685	12.236.346.537

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở lợi nhuận kế toán đã loại trừ một số khoản điều chỉnh tăng, giảm theo quy định của các văn bản hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong trường hợp số thuế nêu trên có sự khác biệt với số thuế do cơ quan thuế quyết định, các chênh lệch sẽ được điều chỉnh bổ sung.

Các khoản điều chỉnh giảm Lợi nhuận kế toán trước thuế để xác định thu nhập chịu thuế là cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác trong năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	41.389.362.787	36.734.561.011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.389.362.787	36.734.561.011
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.766.651	10.319.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.844	3.560

5.26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	685.315.312.611	678.819.607.926
Chi phí nhân công	179.009.779.377	175.722.354.985
Chi phí sử dụng máy thi công	157.942.415.334	161.024.691.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài (thầu phụ)	422.250.291.027	198.713.728.649
Chi phí sản xuất khác bằng tiền	91.192.278.562	116.877.115.908
Tổng	1.535.710.076.911	1.331.157.498.769

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Nghị quyết giao dịch với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Mỹ Phước	Công ty con	Công trình xây dựng hoàn thành	42.690.200.024	31.788.357.755
		Góp vốn bằng TSCĐ	-	452.620.000
		Cho vay	4.000.000.000	2.000.000.000
		Cho thuê mặt bằng	282.084.676	257.929.313
		Bán nguyên liệu, vật tư	-	1.342.801.318
		Nhận góp vốn đầu tư	2.887.000.000	12.250.000.000
			49.859.284.700	48.091.708.386

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Mỹ Phước	Công ty con	Nhận tiền ứng trước	-	3.933.115.520
		Phải thu khác	6.000.000.000	2.000.000.000
		Đầu tư vốn	1.045.799.410	892.470.854
		Phải trả dài hạn khác	15.137.000.000	12.250.000.000
			22.182.799.410	19.075.586.374

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán & Kế toán Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Quang Mỹ

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2011

Phan Chí Hiếu

Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân

Kế toán trưởng